








CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2021**

MỤC LỤC

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	3
MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	7
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH - THU NHẬP BAN LÃNH ĐẠO.....	13
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	16
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2021 ĐÃ KIỂM TOÁN	27

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tên doanh nghiệp:	: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Mã số thuế	: 3700769438
Năm thành lập	: 1989
	: 0274.3755413
	: 0274.3755415
	: info@protradegarment.com
	: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
	: http://www.protradegarment.com
GCNĐKKD số	: 3700769438
Vốn điều lệ	: 120.000.000.000 VNĐ
Mã cổ phiếu	: BDG
Ngành nghề kinh doanh	: Sản xuất quần áo may sẵn
Thị trường	: Mỹ, Châu Âu
Chứng chỉ quốc tế	: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, SA 8000:2014, WRAP 2020, C-TPAT, OCS-Scope
Sản phẩm chính:	: Quần jeans, áo sơ mi
Nhãn hiệu công ty sản xuất	: OLYMP, ROCK REVIVAL, MISS ME, EUNINA, PACSUN, EVOLUTION 3
Công ty liên kết:	: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG Địa chỉ: Lô số 20-8, đường 8B, KCN Quốc Tế Protrade, xã An Tây, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương Ngành nghề: Sản xuất hàng may sẵn Tỷ lệ sở hữu: 48,57% Vốn điều lệ thực góp: 68 tỷ đồng.
Công ty con	: CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNDRY Địa chỉ: 75 Lô M, đường số 10, KCN Sóng Thần I, P.Dĩ An, TP Dĩ An, BD

Ngành nghề: Sản xuất hàng may sẵn

Tỷ lệ sở hữu: 99,8%

Vốn điều lệ thực góp: 9,78 tỷ đồng.

- Vị thế cạnh tranh** : Năng lực cạnh tranh của Công ty là hàng denim thời trang, kiểu dáng phức tạp đòi hỏi sự khéo léo và tay nghề cao.
- Địa bàn kinh doanh** : Thị trường tiêu thụ của công ty chủ yếu là xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu
- Sứ Mệnh** : Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Công ty lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.
- Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư bằng tri thức và tính chính trực của Công ty.
- Tầm Nhìn** : Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, nơi mà khách hàng đặt trọn niềm tin về chất lượng và kiểu dáng.
- Vị Thế Cạnh Tranh** : Năng lực cạnh tranh của Công ty là hàng denim thời trang, kiểu dáng phức tạp đòi hỏi sự khéo léo và tay nghề cao.

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

- 1989** Được thành lập vào tháng 11/1989 với tên gọi là Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu, một trong những đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương
- 2007** Được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên May mặc Bình Dương (mô hình Hội đồng thành viên)
- 2015** Triển khai cổ phần hóa và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 14/11/2015

Tiền thân của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương là Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương 100% vốn nhà nước được thành lập vào tháng 11/1989.

Thời gian đầu Công ty chỉ có 02 phân xưởng chuyên may gia công hai mặt hàng là áo jacket và hàng thun. Với chính sách mở cửa kinh tế năm 1986, cùng với quá trình hoạt động có hiệu quả, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất và tạo được uy tín trên thương trường quốc tế.

Qua hơn 33 năm hình thành và phát triển, Công ty đã có một nền tảng mạnh mẽ với đội ngũ nhân viên hơn 1.700 người nhiệt tình, sáng tạo và chuyên nghiệp với uy tín ngày càng được nâng cao. Công ty đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Ngày 06 tháng 04 năm 2016 Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn UPCOM của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội mã chứng khoán là BDG.

Với tinh thần làm việc nỗ lực và sáng tạo, tập thể công ty đã tạo ra bước đột phá về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ khi cổ phần hóa đến nay.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

Tôn trọng

Tôn trọng công ty, tôn trọng đối tác, tôn trọng đồng nghiệp. Hợp tác trong sự tôn trọng

Công bằng

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

Đạo đức

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức

Tuân thủ

Tuân thủ luật pháp, Bộ quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

MỤC TIÊU NĂM 2022

Tăng năng suất và kiểm soát chất lượng chặt chẽ để thực hiện một cách tốt nhất các đơn hàng của năm 2022 đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Về thị trường đầu ra và nguồn cung ứng nguyên phụ liệu

Nguy cơ dịch bệnh tái bùng phát trở lại ở các nước châu Âu và Mỹ đang hiện hữu, mức độ rủi ro về giảm sút thị trường xuất khẩu đột ngột là khá cao.

Tình trạng thiếu điện sản xuất ở Trung Quốc, cộng với tình trạng khan hiếm tàu thuyền, thiếu container vận chuyển, có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào, giá nguyên phụ liệu lại tăng, nhất là các sản phẩm làm từ sợi. Giao hàng và thanh toán tiền hàng sẽ chậm vì lịch tàu chạy bị hoãn nhiều lần.

Đồng thời, tình trạng hàng hóa bị vận chuyển chậm trễ sẽ ảnh hưởng đến sức tiêu thụ của khách hàng, số lượng đơn hàng cam kết có nguy cơ bị giảm.

Về tình hình lao động

Người lao động bị nhiễm covid phải cách ly khỏi sản xuất đang có xu hướng ngày càng gia tăng sau mỗi đợt test, dự báo sau khi nghỉ Tết nguyên đán vào, số lượng này sẽ còn cao hơn.

Đồng thời, công nhân muốn chuyển đổi công việc, lao động di chuyển về quê diễn ra sau tết theo thường lệ, sẽ gây khó khăn cho công ty.

Về chi phí sản xuất

Để giữ lao động hiện hữu và cạnh tranh trong tuyển dụng lao động mới, công ty phải điều chỉnh tăng lương và phụ cấp. Áp lực cao về gia tăng chi phí tiền lương là tất yếu.

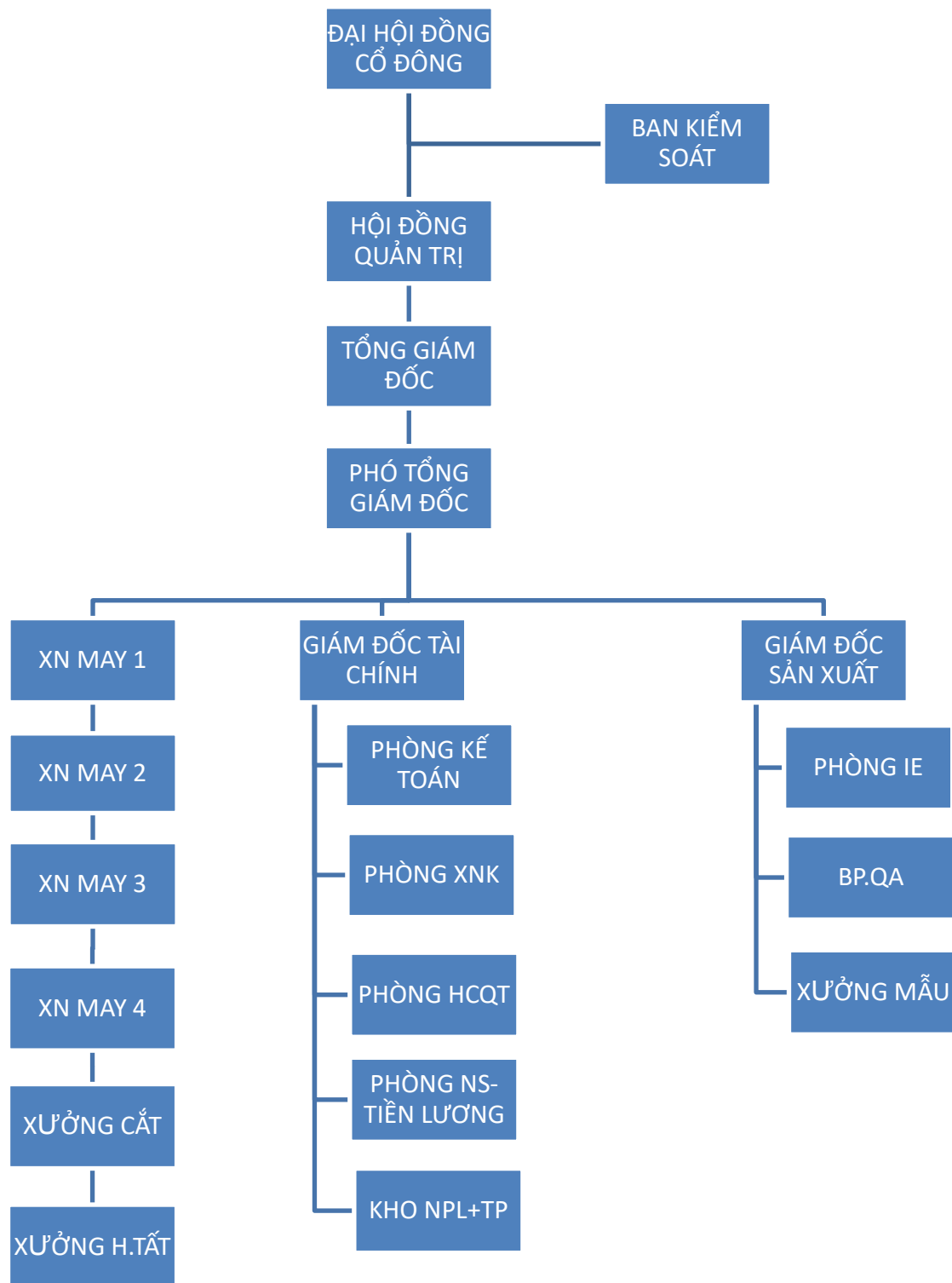
Giá cả các loại vật tư và dịch vụ đầu vào như: nhiên liệu, vận chuyển container, wash, suất ăn trưa vv...có khoản đã tăng và có khoản dự báo sẽ tăng.

Chất lượng nguyên phụ liệu

Hầu hết nguồn cung cấp vải và phụ liệu đều do khách hàng chỉ định, xu hướng chất lượng ngày càng đi xuống vì khách hàng muốn giảm giá thành, tình trạng này gây bất lợi cho cả may và wash, chi phí sản xuất tăng hơn do khâu kiểm tra chất lượng và phát sinh thêm qui trình sản xuất.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



**BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

ÔNG NGUYỄN AN ĐỊNH - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương.
Thành viên HĐQT – kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade
Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An.
Thành viên HĐQT Công ty Sân Golf Palm Sông Bé
Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào

BÀ PHẠM THỊ VƯƠNG – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH – Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An.
Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang

ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển Thời trang
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Protrade Laundry

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Protrade Laundry

ÔNG NGUYỄN VĨNH BẢO – Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUÂN – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Protrade Laundry

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG HỨA TUẤN CƯỜNG - Trưởng Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Trưởng BKS-Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc NHTMCP Sài Gòn-Công thương – CN Q7

BÀ HUỖNH THỊ MỸ HẠNH – Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên BKS-Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Việt Vương.

ÔNG NGUYỄN MAI KHÁNH TRÌNH – Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên BKS-Công ty cổ phần May mặc Bình Dương
 Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty
 Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Tại công ty khác: Thành viên BKS Công ty cổ phần Hưng Vượng
 Thành viên HĐQT Công ty TNHH YCH-Protrade

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU/ỦY QUYỀN TẠI NGÀY 31/12/2021	
			Số lượng	Tỷ lệ
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT	-	0%
2	Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch HĐQT	4.798.800	39,99%
3	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT	5.874.019	48,95%
4	Phan Thành Đức	Thành viên HĐQT	62.400	0,52%
5	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên HĐQT	292.900	2,44%
6	Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên HĐQT	-	0%
7	Nguyễn Xuân Quân	Thành viên HĐQT	6.200	0,05%
	Tổng cộng		11.034.319	91,95%
B	BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Phan Thành Đức	Tổng giám đốc	Như trên	
2	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Như trên	
C	BAN KIỂM SOÁT			
1	Hứa Tuấn Cường	Trưởng BKS	1.200	0,01%
2	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Mai Khánh Trinh	Thành viên BKS	-	-
	Tổng cộng		1.200	0,01%
D	Kế toán trưởng – Người			

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU/ỦY QUYỀN TẠI NGÀY 31/12/2021	
			Số lượng	Tỷ lệ
được ủy quyền CBTT				
1	Đoàn Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng- Người được UQCBTT	-	-
Tổng cộng			-	-
Tổng cộng			11.035.519	91,96%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ ĐẠI DIỆN (%)	CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
A. Cổ đông nhà nước					
1	Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương Người đại diện	5.866.819	48,89%	-	-
1.1	Nguyễn Hồng Anh	5.866.819		48,89%	
TỔNG CỘNG A:		5.866.819	48,89%		
B. Cổ đông lớn					
2	Công ty TNHH TM Việt Vương Người đại diện	4.798.800	39,99%	-	-
2.1	Phạm Thị Vượng	4.798.800	-	39,99%	-
TỔNG CỘNG B:		4.798.800	39,99%		
TỔNG CỘNG (A+B):		10.665.619	88,88%	88,88%	

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ chức	Cá nhân

1	Cổ đông nhà nước	5.866.819	48,89%	1	1	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ trở lên)	4.798.800	39,99%	1	1	-
3	Các cổ đông khác	1.334.381	11,12%	271	1	270
TỔNG CỘNG:		12.000.000	100,00%	273	3	270

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần:	12.000.000
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	VND 10.000/cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	12.000.000
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	45.600

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Kết quả hoạt động kinh doanh (triệu đồng)					
Doanh thu thuần	1.409.682	1.432.266	1.513.614	1.196.256	1.147.250
Giá vốn hàng bán	1.188.354	1.213.580	1.305.053	996.628	984.392
Lợi nhuận gộp	221.328	218.686	208.561	199.628	162.858
Doanh thu hoạt động TC	12.665	17.535	13.266	17.302	12.947
Chi phí hoạt động tài chính	12.818	27.548	9.211	33.114	19.003
Chi phí bán hàng	40.510	18.310	23.258	21.197	24.999
Chi phí quản lý DN	96.392	68.348	77.828	56.080	56.629
Lợi nhuận thuần	84.273	122.015	111.530	106.539	75.174
Lợi nhuận khác	9.428	17.998	31.710	13.516	4.950
Lợi nhuận trước thuế	93.701	140.013	143.240	120.055	80.124
Lợi nhuận sau thuế	74.444	111.218	112.910	96.745	62.880
Bảng cân đối kế toán (triệu đồng)					
Tổng tài sản	527.661	593.358	594.024	657.007	776.382
Vốn điều lệ	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
Vốn chủ sở hữu	202.114	259.350	279.363	289.825	333.559
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				12.000.000	12.000.000
Giá trị sổ sách /cổ phiếu				23.613	25.861
Cổ tức-VNĐ					
Giá thị trường thời điểm cuối năm				41.000	46.000
P/E				5,02	8,78

CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản, nguồn vốn		
Tài sản dài hạn / tổng tài sản	10,17%	16,71%
Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	89,83%	83,29%
Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	57,04%	55,89%
Hệ số tự tài trợ	42,96%	44,11%
Nợ ngắn hạn/ tổng nguồn vốn	57,04%	55,89%
Nợ dài hạn/ tổng nguồn vốn	0,00%	0,00%
Nợ dài hạn/ nguồn vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%
Nợ phải trả/ vốn cổ phần	369,02%	305,99%
Nợ phải trả / nguồn vốn chủ sở hữu	132,76%	126,69%
Khả năng thanh toán		
Tỷ lệ thanh toán tổng quát	1,75	1,79
Tỷ lệ thanh toán hiện hành	1,57	1,49
Tỷ lệ thanh toán nhanh	0,08	0,19
Chỉ số sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	5,48%	8,09%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu	14,20%	16,69%
Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI)	52,40%	80,62%
Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	20,17%	33,99%
Khả năng sinh lời của tổng tài sản (ROA)	8,77%	15,47%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-35,00%	-14,32%
Chỉ số hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	6,68	7,61
Vòng quay khoản phải trả	7,15	8,46
Vòng quay hàng tồn kho	3,69	5,00
Vòng quay vốn lưu động	5,28	6,52
Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	1,48	1,82
Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	9,56	9,97

THÔNG TIN THU NHẬP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Chi tiết thù lao của từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	316.558.000	-
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	474.837.000	590.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	-
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	-
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 24/06/2021)	-	-
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)	158.279.000	-
Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	316.558.000	680.000.000
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	79.140.000	520.000.000
Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	316.558.000	465.000.000
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	316.558.000	465.000.000
Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban kiểm soát	267.944.000	300.000.000
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	178.629.000	255.000.000
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát	89.315.000	-
Bà Nguyễn Minh Thùy	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	89.315.000	50.000.000
Tổng cộng		2.920.249.000	3.325.000.000

Chi tiết Lương, thưởng của Tổng giám đốc và các người quản lý khác trong bộ máy điều hành của công ty như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021		Năm 2020	
		VND		VND	
		Lương	Thưởng	Lương	Thưởng
Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	1.245.566.770	476.171.738	1.327.854.997	762.372.538
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	917.948.499	400.143.212	1.204.185.613	699.872.538
Đoàn Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	548.859.571	197.953.259	546.225.021	308.237.788
Tổng cộng		2.712.374.840	1.074.268.210	3.078.265.631	1.770.482.864

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm đối với môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty luôn ý thức được rằng hoạt động của Công ty phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Đây là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trong quá trình sản xuất Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và không ngừng đổi mới công nghệ, giảm thiểu các chất thải phát sinh, tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường.

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống. Các hoạt động của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng sản phẩm tốt nhất mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn.

Trách nhiệm đối với người lao động

Đối với công ty, con người là nguồn nhân lực cốt lõi vận hành bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Chính vì vậy bằng mọi nỗ lực của mình, Công ty phải tạo ra được một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, không phân biệt đối xử, nơi mà mỗi cán bộ công nhân viên được phát huy hết năng lực, đổi mới và sáng tạo. Đồng thời, tạo ra cơ hội để cán bộ công nhân viên được thăng tiến một cách công bằng, đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi thỏa đáng.

Với Công ty, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là sự đầu tư dài hạn, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Ngoài ra, Công ty luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn tới những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp. Các chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Công ty được xây dựng trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất của người lao động. Về chính sách bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, Công ty tổ chức thăm khám bệnh định kỳ, bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty.

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Công ty đã nhận thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ mà còn là ý thức việc bảo đảm môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Chính vì vậy, Công ty đã và đang tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động thiện nguyện.

Công ty luôn duy trì và phát triển công tác các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương. Nâng cao trách nhiệm với cộng đồng luôn là sứ mệnh mà công ty thực hiện ngay từ khi mới thành lập, góp phần vào công cuộc bảo vệ an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần May mặc Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24/06/2021;

Hội đồng quản trị (HDQT) báo cáo ĐHĐCĐ về tình hình quản trị công ty, kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT năm 2021; phương hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2021.

1. Kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT năm 2021:

1.1 Kết quả hoạt động của HDQT:

Các cuộc họp của HDQT:

Stt	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn An Định	08/08	100%	
2	Bà Phạm Thị Vượng	08/08	100%	
3	Ông Phan Thành Đức	08/08	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	08/08	100%	
5	Ông Nguyễn Hồng Anh	08/08	100%	
6	Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	08/08	100%	
7	Ông Lý Thanh Châu	00/08	0%	Do đã nhận được quyết định khởi tố bị can số 03/QĐ-CSKT-P10 ngày 14/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ công an.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
8	Ông Nguyễn Xuân Quân	02/08	25%	Được bầu cử bổ sung vào HĐQT ngày 24/06/2021

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức thực hiện 8 phiên họp theo sự triệu tập của Chủ tịch HĐQT (gồm 5 phiên họp tập trung và 3 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản), có sự tham gia của Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành nhằm trao đổi, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT, biểu quyết thông qua và ban hành 21 Nghị quyết triển khai cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành và thực hiện.

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2021:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Điều chỉnh thông tin loại chứng khoán từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng	100%
02	02/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	100%
03	03/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty con doanh nghiệp có liên quan	100%
04	04/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN.Bình Dương	100%
05	05/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.Bình Dương	100%
06	06/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN.TP HCM	100%
07	07/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Mua lại 200.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Phát triển Thời trang từ cổ đông khác	100%
08	08/2021/NQ-HĐQT	22/01/2021	Thời gian trễ nhất đóng cửa Công ty cổ phần Protrade Laundry	100%
09	09/2021/NQ-HĐQT (lấy ý kiến HĐQT)	15/03/2021	Ngày chốt danh sách để thực hiện quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và ngày tổ chức ĐHCĐ 2021	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	bằng văn bản)			
10	10/2021/NQ-HĐQT	14/04/2020	Tăng giá wash cho Công ty cổ phần Phát triển Thời trang	100%
11	11/2021/NQ-HĐQT	14/04/2021	Vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN.TP HCM	100%
12	12/2021/NQ-HĐQT	14/04/2021	Nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
13	13/2021/NQ-HĐQT	17/05/2021	Hoãn lại thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
14	14/2021/NQ-HĐQT	02/06/2021	Xác định lại thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
15	15/2021/NQ-HĐQT	08/06/2021	Xác định lại thời gian và hình thức tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
16	16/2021/NQ-HĐQT (lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	14/06/2021	Phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 60 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu và phương án nhân sự quản lý tại Công ty cổ phần Phát triển Thời trang	100%
17	17/2021/NQ-HĐQT	24/06/2021	Ngày chốt danh sách để thực hiện quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020 tỷ lệ 10%/mệnh giá	100%
18	18/2021/NQ-HĐQT (lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	05/07/2021	Mua cổ phần do Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm	100%
19	19/2021/NQ-HĐQT	23/11/2021	Vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN.TP HCM	100%
20	20/2021/NQ-HĐQT	23/11/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Chính sách xã hội	100%
21	21/2021/NQ-HĐQT	23/11/2021	Sử dụng tài sản là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty để cầm cố	100%

Các quyết định của HĐQT trong năm 2021:

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	70/QĐ-HĐQT	24/06/2021	Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị
02	71/QĐ-HĐQT	24/06/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

2. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Tất cả các thành viên HĐQT trong năm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến và giải pháp về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 và định hướng chiến lược phát triển cho công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
I. Các chỉ tiêu tài chính:					
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	120	120	100%
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	1.252	1.147	92%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90	80	89%
4	Thuế TNDN	Tỷ đồng	18	17	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	72	63	87%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/VDL	40%	25%	63%
II. Tổng giá trị đầu tư:					
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	7,9	-	0%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tỷ đồng	5,9	11,7	198%
3	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	70	-	0%

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị về điều hành của Ban giám đốc

- Năm 202 sản xuất kinh doanh gặp nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid phải tạm ngừng sản xuất trên 2 tháng nhưng với sự linh hoạt và nỗ lực cao của cả tập thể nên Công ty đã vượt qua khó khăn và ổn định được sản xuất. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự điều hành của Tổng giám đốc và sự nỗ lực của tập thể Ban điều hành các cấp trong quá trình quản lý hoạt động của Công ty đặc biệt trong bối cảnh vừa phải đối phó với dịch bệnh vừa phải quản lý năng suất để đáp ứng thời gian giao hàng cho khách hàng.

- Trong năm, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành chủ động và kịp thời, phù hợp với chủ trương và định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được TGD triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách.

5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS:

Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên các chỉ tiêu của năm 2021 không đạt được kế hoạch đề ra, tuy nhiên trong năm 2021 vừa qua tất cả các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký công ty đã nỗ lực rất nhiều để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Vì vậy, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty là 2.200.792.333 đồng chi cho 11 thành viên. Tổng tiền thù lao bằng 3.5% lợi nhuận sau thuế đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của HĐQT tại công ty và công ty con, công ty liên kết, giám sát hiệu quả đầu tư, quản lý sản xuất và an toàn tài chính.

Thực hiện đóng cửa công ty con là Công ty cổ phần Protrade Laundry, tập trung đầu tư vốn và phát triển Công ty cổ phần Phát triển Thời trang.

Kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	% so TH 2021
I. Các chỉ tiêu tài chính: (theo số liệu BCTC Riêng)					
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	120	248	207%
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	1.147	1.400	122%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80	82	103%
4	Thuế TNDN	Tỷ đồng	17	16	94%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63	66	105%

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	% so TH 2021
6	Cổ tức	Tỷ đồng	30	50	165%
	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ		25%	20%	
II. Tổng giá trị đầu tư:					
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	-	-	
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tỷ đồng	11,7	-	-
3	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	-	70	-

Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		66.000.000.000
2	Trích lập các quỹ	17%	11.220.000.000
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	10%	6.600.000.000
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	6%	3.960.000.000
-	<i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	1%	660.000.000
3	Chi cổ tức bằng tiền (20% vốn điều lệ)	75%	49.600.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2021 (4=1-2-3)	8%	5.180.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát (BKS) bao gồm 03 (ba) thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại Công ty.

Trong năm 2021, hoạt động của BKS bao gồm:

- ✚ Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2021 và hoạt động của HĐQT.
- ✚ Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021.

I. Giám sát hoạt động của HĐQT và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2021:

- BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành trong một số trường hợp, phạm vi lĩnh vực có liên quan.
- Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT cũng như các thông tin được cung cấp từ HĐQT và Ban điều hành cho Ban kiểm soát bao gồm:
 - Cập nhật tình hình kết quả sản xuất - xuất hàng và kế hoạch hàng hóa; tình hình thị trường và khách hàng của Công ty, Công ty con và Công ty liên kết.
 - Tình hình nhân sự và tiền lương trong kỳ, các chính sách liên quan đến người lao động như tiền lương, tiền lương tháng 13, tuyển dụng và chính sách đào tạo.
 - Điều hành sản xuất trong tình hình dịch bệnh Covid của năm vừa qua như tổ chức sản xuất ba tại chỗ, ngừng sản xuất theo chỉ thị của địa phương, tổ chức lại sản xuất và đề phòng dịch bệnh lây lan...
 - Tình hình sử dụng và mua sắm máy móc thiết bị tại công ty.
 - Các quyết định đầu tư vốn bổ sung vào công ty liên kết, đóng cửa công ty con.
 - Vay vốn ngân hàng và các giao dịch với người có liên quan.
- Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện cho nhà đầu tư đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

II. Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021:

- Trong năm, BKS đã tiến hành phân tích báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng và các số liệu do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT cũng như lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.

- Kiểm tra báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán bao gồm báo cáo riêng của Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất. Các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính và quy trình hoạt động.
- Về chỉ tiêu tài chính, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, năm vừa qua ban lãnh đạo Công ty đã phải đối phó với tình hình dịch bệnh Covid nghiêm trọng khiến công ty phải ngừng sản xuất hơn 2 tháng, sau đó vừa tổ chức lại sản xuất vừa ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Đồng thời, do ảnh hưởng từ khủng hoảng của ngành vận tải biển toàn cầu tác động nên việc xuất hàng của Công ty gặp không ít khó khăn. Do có nhiều yếu tố khách quan kể trên nên năm 2021 Công ty không hoàn thành được kế hoạch do ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua, một số chỉ tiêu cơ bản như sau:
 - Doanh thu thuần đạt được trong kỳ là 1.147 tỷ đồng, đạt được 92% so với kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm 99% trên tổng doanh thu với kim ngạch là 49,9 triệu usd, doanh thu nội địa chiếm 1%.
 - Lợi nhuận trước thuế TNDN là 80 tỷ đồng, đạt 89% chỉ tiêu kế hoạch 2021.
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN là 63 tỷ đồng đạt 88% chỉ tiêu kế hoạch 2021, tỷ suất sinh lời trên nguồn vốn góp chủ sở hữu bình quân là 53%.
 - Tình hình công nợ đến ngày 31/12/2021 là:
 - ✓ Công nợ phải thu 203 tỷ, tăng 78 tỷ so với năm trước. Số ngày thu hồi công nợ phải thu trung bình năm nay là 54 ngày, chậm hơn so với năm trước 8 ngày do khó khăn trong vận chuyển tàu biển quốc tế.
 - ✓ Công nợ phải trả người bán là 160 tỷ, nợ vay ngân hàng là 202 tỷ. Nợ vay ngân hàng tăng 101 tỷ so với số dư cuối kỳ năm trước do vòng quay nợ phải thu và hàng tồn kho chậm hơn.
 - ✓ Năm 2021 nguồn tiền gửi tiết kiệm của Công ty không biến động. Tỷ lệ tự tài trợ giảm từ 44,11% còn 42,96% do tỷ lệ tăng của nợ phải trả cao hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản tạm ứng bảo đảm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc đối chiếu được thực hiện hàng quý.
 - Công ty liên kết – Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang: Năm 2021 mặc dù chưa tạo ra được lợi nhuận nhưng công ty liên kết đã có bước phát triển vượt bậc, các chỉ tiêu đều tăng trưởng tốt. Kết quả SXKD năm 2021 doanh thu đạt được 90 tỷ đồng tăng 34 tỷ so với năm 2020, lợi nhuận gộp tạo ra là 8,4 tỷ so với âm 15 tỷ của năm trước, lỗ ròng năm 2021 là 24 tỷ so với lỗ ròng năm trước là 49,4 tỷ. Kế hoạch sản xuất năm 2022 Công ty đầu tư máy móc

thiết bị để tăng năng suất và doanh thu tăng trưởng 145% dự kiến đạt được 222 tỷ đồng, lợi nhuận ròng là 12 tỷ đồng.

- Công ty con – Công ty cổ phần Protrade Laundry: Năm 2021 công ty con hoạt động ổn định và các chỉ số doanh thu lợi nhuận tương đương năm trước, cụ thể doanh thu đạt được là 58 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 7,5 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2022 đóng cửa công ty con chậm nhất ngày 30/06/2022, tập trung nguồn hàng và lực lượng lao động cho Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang.

III. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban TGD:

- Ban kiểm soát với tư cách là đại diện cổ đông đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tiếp tục công tác giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát được tiếp cận đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong một số trường hợp, phạm vi lĩnh vực có liên quan.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự,... của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo đến các hoạt động của Ban điều hành về sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro phát sinh.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành là những người có năng lực, đạo đức và trách nhiệm trong công việc. Thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, sử dụng và phát huy tích cực các nguồn vốn hợp pháp, tài sản, lao động tránh lãng phí tổn thất cho Công ty, hoàn thành tốt đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, đảm bảo các chế độ chính sách cho người lao động.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành chỉ đạo thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.

IV. Thù lao của Ban Kiểm Soát:

Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký trong năm 2021 là

2.200.792.333 đồng, bằng 3.5% lợi nhuận sau thuế đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua.

V. Kiến nghị của Ban Kiểm Soát:

1. Tập trung tuyển dụng thêm lao động và có những chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động để bảo toàn lực lượng lao động thực hiện được các đơn hàng trong năm 2022 để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.

2. Hỗ trợ năng lực quản lý sản xuất và điều hành tại Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang để bảo đảm công ty này đủ năng lực gia công hàng wash bảo đảm tiến độ xuất hàng cho Công ty.

3. Thành lập Ban/Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2022:

1. Ban Kiểm Soát tham dự các cuộc họp do HĐQT tổ chức, theo dõi công tác triển khai thực hiện của HĐQT và Ban TGD, theo dõi việc lập kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện của Phòng Kế toán công ty.

2. Tổ chức các đợt kiểm tra các nội dung: Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tình hình hoạt động SXKD trong kỳ, kiểm tra tính tuân thủ quy trình kế toán, tính minh bạch trong các giao dịch đầu tư tài sản và chi phí hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện và việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25 tháng 03 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 24/06/2021)
Bà Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên	
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Số: 280222.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 26 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Trần Thị Hồng Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		703.624.522.714	553.126.524.871
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	34.488.184.772	73.628.764.980
111	1. Tiền		34.488.184.772	56.958.764.980
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	16.670.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	114.382.500.000	106.382.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		114.382.500.000	106.382.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		212.106.943.399	132.182.996.179
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	203.586.508.216	125.509.023.221
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.190.186.878	1.430.385.387
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.330.248.305	5.243.587.571
140	IV. Hàng tồn kho	08	314.808.507.878	227.229.982.691
141	1. Hàng tồn kho		314.808.507.878	227.229.982.691
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.838.386.665	13.702.281.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	693.393.870	1.351.003.110
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.437.362.108	12.351.158.525
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	4.707.630.687	119.386
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.853.433.686	95.469.349.057
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	355.350.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	-	355.350.000
220	II. Tài sản cố định		47.895.261.572	57.227.136.298
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	46.343.240.823	56.043.566.607
222	- Nguyên giá		266.770.807.815	278.930.683.674
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.427.566.992)	(222.887.117.067)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.552.020.749	1.183.569.691
228	- Nguyên giá		8.666.461.711	8.040.616.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.114.440.962)	(6.857.047.020)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	15.355.926.357	36.399.426.078
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.355.926.357	25.399.426.078
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	11.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		602.245.757	1.487.436.681
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	602.245.757	1.487.436.681
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		767.477.956.400	648.595.873.928


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		443.388.194.005	372.005.693.722
310	I. Nợ ngắn hạn		432.259.379.277	363.485.578.938
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	142.959.710.866	106.007.940.524
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.044.090.427	2.921.227.403
314	3. Phải trả người lao động		73.472.819.571	100.670.155.937
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	41.583.437	24.521.670
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.302.449.033	40.032.065.419
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	202.687.067.696	100.908.137.565
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.751.658.247	12.921.530.420
330	II. Nợ dài hạn		11.128.814.728	8.520.114.784
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	11.128.814.728	8.520.114.784
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		324.089.762.395	276.590.180.206
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	324.089.762.395	276.590.180.206
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.135.037.967)	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		89.160.538.502	80.229.091.054
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		115.899.251.543	77.344.124.270
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		47.727.298.241	36.029.649.786
421b	LNST chưa phân phối năm nay		68.171.953.302	41.314.474.484
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.676.058	21.668.590
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		767.477.956.400	648.595.873.928

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc

Phan Thành Đức



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.149.852.280.946	1.198.757.183.449
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	2.203.681.334	2.491.329.817
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.147.648.599.612	1.196.265.853.632
11	4. Giá vốn hàng bán	22	973.912.633.148	987.044.260.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		173.735.966.464	209.221.593.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	12.951.379.334	17.156.850.639
22	7. Chi phí tài chính	24	5.959.022.227	7.891.529.462
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.617.210.077	1.093.088.377
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)
25	9. Chi phí bán hàng	26	24.999.160.834	21.196.639.296
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	59.647.083.903	69.794.344.754
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		84.578.799.735	104.979.303.739
31	12. Thu nhập khác	28	4.717.105.335	13.096.426.920
32	13. Chi phí khác	29	133.710.388	967.335.955
40	14. Lợi nhuận khác		4.583.394.947	12.129.090.965
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		89.162.194.682	117.108.394.704
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	18.368.533.968	23.831.548.712
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	2.608.699.944	3.949.229.657
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		68.184.960.770	89.327.616.335
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		68.171.953.302	89.314.474.484
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		13.007.468	13.141.851
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	5.283	6.847

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		89.162.194.682	117.108.394.704
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		20.340.103.559	32.176.411.563
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		81.885.581	(1.468.285.517)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		5.545.666.512	15.574.840.812
06	- Chi phí lãi vay		2.617.210.077	1.093.088.377
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		117.747.060.411	164.484.449.939
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(94.109.073.938)	57.220.563.263
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(87.578.525.187)	(49.230.914.978)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.276.082.806	(18.924.869.731)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.542.800.164	880.626.960
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.600.148.310)	(1.147.344.199)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.307.706.400)	(27.973.446.883)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.315.030.132)	(4.442.085.651)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(85.344.540.586)	120.866.978.720
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.173.619.177)	(16.876.190.559)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		157.850.525	597.286.271
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.547.500.000)	(66.180.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.547.500.000	16.670.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(38.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.691.176.488	5.844.153.970
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.324.592.164)	(97.944.750.318)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.051.077.757.921	910.761.392.225
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(950.648.152.875)	(877.678.351.351)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(50.391.676.000)	(39.608.324.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		50.037.929.046	(6.525.283.126)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(40.631.203.704)	16.396.945.276
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		73.628.764.980	55.369.489.215
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.490.623.496	1.862.330.489
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	34.488.184.772	73.628.764.980

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25 tháng 03 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 120.000.000.000 đồng; trong đó có 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn, đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Tỉnh Bình Dương	99,80%	99,80%	May mặc

Căn cứ từ trình số 13/TT-TGD ngày 15/01/2021 về hoạt động của Công ty Cổ phần Protrade Laundry (Công ty con), Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương đã thông nhất đóng cửa Công ty Cổ phần Protrade Laundry chậm nhất là ngày 30/06/2022 theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HDQT ngày 22/01/2021. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Protrade Laundry đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương sẽ kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ (nếu có) của Công ty Cổ phần Protrade Laundry theo giá trị sổ sách, do đó Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Công ty có công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	48,57%	48,57%	Wash

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 29 tháng. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu có phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tại Công ty con, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản công nợ phải thu đó.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Công ty con, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
• Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
• Quyền sử dụng đất	20 năm
• Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Tại Công ty con, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Công ty con, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tại Công ty mẹ và Công ty con, hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	607.299.185	758.632.311
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.880.885.587	56.200.132.669
Các khoản tương đương tiền	-	16.670.000.000
	<u>34.488.184.772</u>	<u>73.628.764.980</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	114.382.500.000	-	106.382.500.000	-
• Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	114.382.500.000	-	106.382.500.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	11.000.000.000	-
• Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	3.000.000.000	-	11.000.000.000	-
	117.382.500.000	-	117.382.500.000	-

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm. Trong đó, tổng tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại Cổ phần với giá trị là 23.335.000.000 đồng. (Xem chi tiết tại *Thuyết minh 12*)

⁽²⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,4%/năm và đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại Cổ phần. (Xem chi tiết tại *Thuyết minh 12*)

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/12/2021			01/01/2021		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		VND			VND		
* Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	48,57%	48,57%	12.355.926.357	48,57%	48,57%	25.399.426.078
				12.355.926.357			25.399.426.078

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: *Xem thuyết minh 37.*

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
		VND	VND	VND	VND
* Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân ^(*)	-	-	-	-	
		-	-	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân tại ngày 31/12/2021 là 13,19%. Tại thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
• Rerv Inc Dba Rock Revival	90.123.235.783	-	58.155.456.863	-
• Pacific Sunwear of California Inc	37.737.570.560	-	14.723.805.925	-
• Victory 2020, LLC (DBA Miss Me) (trước đây là: Sweet People Apparel, Inc (DBA Miss Me))	52.128.402.058	-	20.093.955.367	-
• Olymp Bezner Kg Hopfighmer	1.176.807	-	8.450.579.962	-
• Eunina Inc	11.327.853.249	-	15.463.766.462	-
• MGF Sourcing Far East, Limited	8.348.422.006	-	-	-
• Evolution 3 Limited	2.900.585.841	-	7.543.850.566	-
• Các khoản phải thu khách hàng khác	1.019.261.912	-	1.077.608.076	-
	203.586.508.216	-	125.509.023.221	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
• Gerber Scientific International Co., Ltd	1.461.008.000	-	-	-
• Able Leader Co., Ltd	546.504.192	-	-	-
• Chee Siang Industrial Co., Ltd	395.997.875	-	654.508.800	-
• Công ty TNHH Minh Long 1	-	-	203.693.952	-
• Trả trước các đối tượng khác	786.676.811	-	572.182.635	-
	3.190.186.878	-	1.430.385.387	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
• Phải thu về tạm ứng	638.565.748	-	659.401.503	-
• Ký cược, ký quỹ	373.400.000	-	-	-
• Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCD	810.820.050	-	1.346.549.663	-
• Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.499.266.507	-	3.225.290.589	-
• Phải thu khác	8.196.000	-	12.345.816	-
	5.330.248.305	-	5.243.587.571	-
b) Dài hạn				
• Ký cược, ký quỹ	-	-	355.350.000	-
	-	-	355.350.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.332.942.828	-	14.741.198.199	-
Nguyên liệu, vật liệu	117.335.207.489	-	104.747.348.513	-
Công cụ, dụng cụ	542.846.260	-	351.977.938	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.981.358.364	-	93.293.123.890	-
Thành phẩm	56.616.152.937	-	14.096.334.151	-
	314.808.507.878	-	227.229.982.691	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 310.169.450.127 đồng.

(Xem chi tiết tại Thuyết minh 12).

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	65.160.306.331	185.440.887.976	16.409.632.733	11.919.856.634	278.930.683.674
- Mua trong năm	-	9.966.445.719	375.180.000	171.093.458	10.512.719.177
- Thanh lý, nhượng bán	-	(581.180.000)	-	(171.093.458)	(752.273.458)
- Giảm khác ^(*)	(4.333.141.936)	(17.523.722.642)	-	(63.457.000)	(21.920.321.578)
Số dư cuối năm	60.827.164.395	177.302.431.053	16.784.812.733	11.856.399.634	266.770.807.815
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	56.338.413.967	145.050.763.227	11.614.316.041	9.883.623.832	222.887.117.067
- Khấu hao trong năm	2.511.987.959	15.685.659.767	1.107.859.149	742.147.742	20.047.654.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	(581.180.000)	-	(5.703.114)	(586.883.114)
- Giảm khác ^(*)	(4.333.141.936)	(17.523.722.642)	-	(63.457.000)	(21.920.321.578)
Số dư cuối năm	54.517.259.990	142.631.520.352	12.722.175.190	10.556.611.460	220.427.566.992
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.821.892.364	40.390.124.749	4.795.316.692	2.036.232.802	56.043.566.607
Tại ngày cuối năm	6.309.904.405	34.670.910.701	4.062.637.543	1.299.788.174	46.343.240.823

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 64.179.533.704 VND

^(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.510.616.711	8.040.616.711
• Mua trong năm	-	660.900.000	660.900.000
• Giảm khác (*)	-	(35.055.000)	(35.055.000)
Số dư cuối năm	530.000.000	8.136.461.711	8.666.461.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	6.327.047.020	6.857.047.020
• Khấu hao trong năm	-	292.448.942	292.448.942
• Giảm khác (*)	-	(35.055.000)	(35.055.000)
Số dư cuối năm	530.000.000	6.584.440.962	7.114.440.962
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.183.569.691	1.183.569.691
Tại ngày cuối năm	-	1.552.020.749	1.552.020.749

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 565.000.000 VND

(*) Tại Công ty con • Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2021, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	636.631.689	1.296.302.378
• Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	6.551.672	4.466.296
• Phí bảo hiểm cháy nổ	50.210.509	50.234.436
	693.393.870	1.351.003.110
b) Dài hạn		
• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	602.245.757	1.487.436.681
	602.245.757	1.487.436.681

12 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	17.249.004.784	17.249.004.784
Số dư cuối năm	<u>17.249.004.784</u>	<u>17.249.004.784</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	17.249.004.784	10.111.485.558
- Số phân bổ, tôn thất trong năm	-	7.137.519.226
Số dư cuối năm	<u>17.249.004.784</u>	<u>17.249.004.784</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	7.137.519.226
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		-	490.272.366.256	362.241.484.752	128.030.881.504	128.030.881.504
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	94.334.289.934	94.334.289.934	422.388.938.248	456.626.521.990	60.096.706.192	60.096.706.192
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	6.573.847.631	6.573.847.631	125.206.298.502	131.780.146.133	-	-
- Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	-	-	14.559.480.000	-	14.559.480.000	14.559.480.000
	100.908.137.565	100.908.137.565	1.052.427.083.006	950.648.152.875	202.687.067.696	202.687.067.696

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				5.560.418,85	128.030.881.504	-	-
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 214882177/2021- HĐCVHM/NHCT900- MMBD ngày 24/12/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Máy móc thiết bị, hàng hóa tồn kho luân chuyển, nguồn thu luân chuyển	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	5.560.418,85	128.030.881.504	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo
Cho năm tài chính kết

	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2021		01/
				USD	VND	USD
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương				2.622.020,34	60.096.706.192	4.063.505,9
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 048B21 ngày 19/05/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.622.020,34	60.096.706.192	
- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 085B20 ngày 26/10/2020	Theo từng giấy nhận nợ	Cầm cố tài sản là tiền gửi của Công ty do Ngân hàng phát hành; thế chấp tài sản là hàng hóa tồn kho luân chuyển	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	4.063.505,9
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương						
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4675359/HĐTD ngày 14/07/2020	Theo từng giấy nhận nợ	Tiền gửi có kỳ hạn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng			283.477,6
Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương					14.559.480.000	
- Hợp đồng tín dụng số 14.464/2021/HĐTD ngày 03/12/2021	0%/năm	Tin chấp	Vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTG		14.060.020.000	
- Hợp đồng tín dụng số 2379/2021/HĐTD ngày 30/12/2021	0%/năm	Tin chấp	Trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động tháng 12 năm 2021		499.460.000	
					202.687.067.696	

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
• Olymp Bezner KG Hopfighemer	6.010.521.326	6.010.521.326	16.816.599.946	16.816.599.946
• Công ty TNHH Sơn Tùng	2.763.514.006	2.763.514.006	3.146.834.145	3.146.834.145
• Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	20.593.587.001	20.593.587.001	14.324.712.218	14.324.712.218
• Tce Corporation.	16.066.302.270	16.066.302.270	2.919.838.798	2.919.838.798
• Công ty TNHH Dệt Tường Long	20.001.027.015	20.001.027.015	8.032.851.140	8.032.851.140
• Lu Thai Textile Co., Ltd	387.079.475	387.079.475	6.198.682.399	6.198.682.399
• Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	12.579.284.863	12.579.284.863	8.766.987.133	8.766.987.133
• Sky Ahead Ltd	2.992.486.481	2.992.486.481	3.112.974.283	3.112.974.283
• Grandian Hong Kong Co., Ltd	7.802.786.454	7.802.786.454	9.467.876.601	9.467.876.601
• Copen United Limited	6.643.547.745	6.643.547.745	302.794.336	302.794.336
• Phải trả các đối tượng khác	47.119.574.230	47.119.574.230	32.917.789.525	32.917.789.525
	142.959.710.866	142.959.710.866	106.007.940.524	106.007.940.524
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	12.579.284.863	12.579.284.863	9.204.334.159	9.204.334.159
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>				

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.965.152.406	6.396.530.929
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.838.985.979	9.158.471.760
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.468.306.665
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	147.240.949	133.541.285
	12.951.379.334	17.156.850.639

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.617.210.077	1.093.088.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.259.926.569	6.798.419.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.885.581	21.148
	5.959.022.227	7.891.529.462

25 . PHẦN LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)
	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.157.206.209	5.327.910.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.841.954.625	15.868.728.909
	24.999.160.834	21.196.639.296

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	197.930.289	8.089.296.942	8.091.506.411	-	195.720.820
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.358.239.835	7.065.870.522	4.707.630.687	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.512.488.058	18.368.533.968	18.307.706.400	-	2.573.315.626
- Thuế thu nhập cá nhân	119.386	161.556.143	8.196.035.440	8.205.309.542	-	152.162.655
- Các loại thuế khác	-	49.252.913	943.207.064	869.568.651	-	122.891.326
	119.386	2.921.227.403	37.955.313.249	42.539.961.526	4.707.630.687	3.044.090.427

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.965.152.406	6.396.530.929
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.838.985.979	9.158.471.760
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.468.306.665
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	147.240.949	133.541.285
	12.951.379.334	17.156.850.639

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.617.210.077	1.093.088.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.259.926.569	6.798.419.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.885.581	21.148
	5.959.022.227	7.891.529.462

25 . PHẦN LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)
	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.157.206.209	5.327.910.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.841.954.625	15.868.728.909
	24.999.160.834	21.196.639.296

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
• Chi phí lãi vay	41.583.437	24.521.670
	41.583.437	24.521.670

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
• Kinh phí công đoàn	605.243.818	244.563.995
• Bảo hiểm xã hội	383.920.220	147.787.268
• Bảo hiểm y tế	270.316.016	255.236.646
• Bảo hiểm thất nghiệp	-	481.121.146
• Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	38.391.676.000
• Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.968.979	511.680.364
	1.302.449.033	40.032.065.419
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	-	37.867.276.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	70.123.590.294	92.735.361.751	8.526.739	281.862.775.076
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	89.314.474.484	13.141.851	89.327.616.335
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.105.500.760	(10.105.500.760)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.262.217.513)	-	(6.262.217.513)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(2.021.100.152)	-	(2.021.100.152)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(48.000.000.000)	-	(48.000.000.000)
Điều chỉnh lợi ích của Công ty trong Công ty liên kết do góp thêm vốn trong năm	-	-	-	-	(7.679.156.193)	-	(7.679.156.193)
Giảm khác	-	-	-	-	(637.737.347)	-	(637.737.347)
Số dư tại ngày 31/12/2020	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	80.229.091.054	77.344.124.270	21.668.590	276.590.180.206
Số dư tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	80.229.091.054	77.344.124.270	21.668.590	276.590.180.206
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	68.171.953.302	13.007.468	68.184.960.770
Trích Quỹ đầu tư phát triển ^(*)	-	-	-	8.931.447.448	(8.931.447.448)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	-	-	-	(5.358.868.469)	-	(5.358.868.469)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành ^(*)	-	-	-	-	(1.786.289.490)	-	(1.786.289.490)
Chia cổ tức ^(*)	-	-	-	-	(12.000.000.000)	-	(12.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.540.220.622)	-	(1.540.220.622)
Số dư tại ngày 31/12/2021	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	89.160.538.502	115.899.251.543	34.676.058	324.089.762.395

^(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHDCĐ/2021 ngày 24 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Phân phối LNST năm 2020	Trong đó: đã tạm trích trong năm 2020
		VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		89.314.474.484	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	8.931.447.448	•
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	2%	1.786.289.490	•
Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi	6%	5.358.868.469	•
Chi trả cổ tức bằng tiền	67%	60.000.000.000	48.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	15%	13.237.869.077	•

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
• Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương • Công ty	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
• Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,99	47.988.000.000	39,99	47.988.000.000
• Cổ đông khác	11,12	13.343.810.000	11,12	13.343.810.000
	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
• Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
• Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
• Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	38.391.676.000	•
• Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.000.000.000	78.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>•</i>	<i>48.000.000.000</i>
• Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	<i>(50.391.676.000)</i>	<i>(39.608.324.000)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	<i>(50.391.676.000)</i>	<i>(30.000.000.000)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>•</i>	<i>(9.608.324.000)</i>
• Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<i>•</i>	<i>38.391.676.000</i>

d) Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		
e) Các quỹ của công ty	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	89.160.538.502	80.229.091.054
	89.160.538.502	80.229.091.054

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
• Từ 1 năm trở xuống	1.423.285.573	1.423.285.573
• Trên 1 năm đến 5 năm	4.574.028.616	5.021.674.086
• Trên 5 năm	3.056.000.738	4.031.640.841
	9.053.314.927	10.476.600.500

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
• Từ 1 năm trở xuống	2.335.000.000	2.135.000.000
• Trên 1 năm đến 5 năm	9.540.000.000	9.440.000.000
• Trên 5 năm	21.815.300.000	24.250.300.000
	33.690.300.000	35.825.300.000

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 36/2019/HĐ-IMPCCO ngày 31/12/2019 để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

Công ty ký các hợp đồng thuê nhà xưởng và thuê bãi với Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê nhà xưởng và bãi tại địa chỉ là Tổng kho Sacombank, Lô MN, Đường số 10, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương với mục đích làm văn phòng, kho và sản xuất kinh doanh ngành hàng may mặc. Tổng diện tích nhà xưởng thuê là 2.400 m², tổng diện tích bãi thuê là 1.850 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chung loại, quy cách	Đvt	31/12/2021		01/01/2021	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	173.596,210	Bình thường	194.727,000	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Đô la Mỹ (USD)	1.035.740,29	1.007.550,54

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.004.081.873.959	972.015.681.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	142.969.040.579	223.289.648.220
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.801.366.408	3.451.853.822
	1.149.852.280.946	1.198.757.183.449
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	380.380.031	9.967.644
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>		

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	2.203.681.334	2.491.329.817
	2.203.681.334	2.491.329.817

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	855.465.983.803	799.163.362.100
Giá vốn dịch vụ gia công	115.465.287.895	186.182.411.169
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	2.981.361.450	1.698.486.793
	973.912.633.148	987.044.260.062
Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan	92.999.156.286	58.012.259.789
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>		

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.965.152.406	6.396.530.929
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.838.985.979	9.158.471.760
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.468.306.665
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	147.240.949	133.541.285
	12.951.379.334	17.156.850.639

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.617.210.077	1.093.088.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.259.926.569	6.798.419.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.885.581	21.148
	5.959.022.227	7.891.529.462

25 . PHẦN LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)
	(11.503.279.099)	(22.516.626.958)

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.157.206.209	5.327.910.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.841.954.625	15.868.728.909
	24.999.160.834	21.196.639.296

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	756.069.536	630.108.828
Chi phí nhân công	43.473.707.180	50.706.462.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.162.436.482	1.675.691.860
Thuế, phí, lệ phí	6.387.591.406	3.864.568.708
Phân bổ lợi thế thương mại	-	7.137.519.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.029.219.008	3.758.910.161
Chi phí khác bằng tiền	1.838.060.291	2.021.083.692
	59.647.083.903	69.794.344.754

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	22.780.000	545.255.217
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	77.156.363	5.333.182
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	-	1.868.956.500
Tiền bồi thường nhận được	3.269.176.846	10.212.238.131
Thu nhập từ công nợ không phải trả	775.986.756	-
Thu nhập khác	572.005.370	464.643.890
	4.717.105.335	13.096.426.920
Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	1.449.520.325	2.646.160.761

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	30.319.819	-
Các khoản bị phạt, truy thu	101.969.288	966.245.046
Chi phí khác	1.421.281	1.090.909
	133.710.388	967.335.955

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	17.243.770.591	23.310.061.052
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	1.124.763.377	521.487.660
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	18.368.533.968	23.831.548.712

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
• Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
• Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	11.128.814.728	8.520.114.784
	11.128.814.728	8.520.114.784

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
• Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.608.699.944	6.166.704.099
• Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(2.217.474.442)
	2.608.699.944	3.949.229.657

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	68.171.953.302	89.314.474.484
Các khoản điều chỉnh	(4.772.036.731)	(7.145.157.959)
• <i>Quý khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(4.772.036.731)	(7.145.157.959)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	63.399.916.571	82.169.316.525
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.283	6.847

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị năm 2022 số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2022, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ như sau:

- Quỹ khen thưởng bằng 6% của Lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 1% của Lợi nhuận sau thuế;

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.488.184.772	-	-	34.488.184.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208.916.756.521	-	-	208.916.756.521
Các khoản cho vay	114.382.500.000	3.000.000.000	-	117.382.500.000
	357.787.441.293	3.000.000.000	-	360.787.441.293
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.628.764.980	-	-	73.628.764.980
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.752.610.792	355.350.000	-	131.107.960.792
Các khoản cho vay	106.382.500.000	11.000.000.000	-	117.382.500.000
	310.763.875.772	11.355.350.000	-	322.119.225.772

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	202.687.067.696	-	-	202.687.067.696
Phải trả người bán, phải trả khác	144.262.159.899	-	-	144.262.159.899
Chi phí phải trả	41.583.437	-	-	41.583.437
	346.990.811.032	-	-	346.990.811.032
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	100.908.137.565	-	-	100.908.137.565
Phải trả người bán, phải trả khác	146.040.005.943	-	-	146.040.005.943
Chi phí phải trả	24.521.670	-	-	24.521.670
	246.972.665.178	-	-	246.972.665.178

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.051.077.757.921	910.761.392.225
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	950.648.152.875	877.678.351.351

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	Doanh nghiệp do Chủ tịch của thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	380.380.031	9.967.644
• Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	380.380.031	9.967.644
Mua hàng hóa, dịch vụ	92.999.156.286	58.012.259.789
• Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	2.736.304.251	3.220.134.080
• Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	90.262.852.035	54.792.125.709
Kinh phí công đoàn phải nộp	1.166.345.480	1.304.950.000
• Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	1.166.345.480	1.304.950.000
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi trả cổ tức	10.665.619.000	69.326.575.500
• Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	5.866.819.000	38.134.375.500
• Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	4.798.800.000	31.192.200.000
Tiền bồi thường	1.449.520.325	2.646.160.761
• Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	1.449.520.325	2.646.160.761
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn	12.579.284.863	9.204.334.159
• Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	12.579.284.863	8.766.987.133
• Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	-	437.347.026
Phải trả ngắn hạn khác	-	37.867.276.000
• Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	-	23.467.276.000
• Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	-	14.400.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
• Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	316.558.000	•
• Bà Phạm Thị Vương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	474.837.000	590.000.000
• Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	•
• Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	•
• Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)	491.215.422	•
• Ông Lý Thanh Châu	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)	158.279.000	•
• Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	316.558.000	680.000.000
• Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	79.140.000	520.000.000
• Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.038.296.508	2.555.227.535
• Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	1.634.649.711	2.369.058.151
• Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban kiểm soát	267.944.000	300.000.000
• Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	178.629.000	255.000.000
• Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát	89.315.000	•
• Bà Nguyễn Minh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	89.315.000	50.000.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022
Tổng Giám đốc

Phan Thành Đức

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG **PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY**



Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

0274. 3755 143

0274. 3755 415

info@protradegarment.com

<http://www.protradegarment.com>